

Đề bài

Nhà văn Bùi Hiền đã phát biểu khẳng định ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm trong văn chương: “Ở nước nào cũng thế thôi, sự cảm thông, sẻ chia giữa người đọc và người viết là trên hết”. (Báo Văn nghệ, số ra ngày 10-2-2001).

Anh, chị có suy nghĩ gì về vấn đề này? Hãy phân tích hai bài thơ Độc Tiểu Thanh kí của thi hào Nguyễn Du và Kính gửi cụ Nguyễn Du của nhà thơ Tố Hữu để làm rõ tiếng nói tri âm ở mỗi bài.

(Đề thi học sinh giỏi quốc gia năm 2001, bảng A)

Bài làm

Bất tri tam bách dư niên hậu,

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Nguyễn Du xưa đã từ già cõi đời không một lời trăng trối, mang theo cả một tâm sự bi kịch, u uất không giải tỏa cùng ai. Những ai đã sống sâu sắc với cuộc đời, hẳn thấu hiểu lắm tâm sự của Nguyễn Du – một con người suốt đời đi tìm tri kỉ giữa cõi đời đen bạc. Tố Như ơi! Xin Người hãy “ngậm cười chín suối” vì “Cả cuộc đời nay hiểu Nguyễn Du”, vì có biết bao người như Huy Cận, Bùi Ki, Tế Hanh, Chế Lan Viên... và đặc biệt là Tố Hữu đã làm thơ giải bày, giải tỏa hộ Người những uất hận kia. Bài thơ *Kính gửi cụ Nguyễn Du* ra đời như bắc nhịp cầu tri âm đến những tâm sự của Tố Như trong *Độc Tiểu Thanh kí*, đồng thời cũng khẳng định ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm trong văn chương, nói như nhà văn Bùi Hiền: “Ở nước nào cũng thế thôi, sự cảm thông, sẻ chia giữa người đọc và người viết là trên hết”.

Là một nhà văn đã từng nếm trải những vinh quang và cả những cay đắng trong nghề văn, Bùi Hiền hiểu hơn ai hết ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm giữa nhà văn và người đọc. Đã có những thời người ta chỉ đề cao vai trò của tác giả và tác phẩm mà xem nhẹ yếu tố bạn đọc. Đúng, nhà văn là người tạo ra tác phẩm bằng tài năng và tâm huyết của mình. Nhưng lẽ nào anh chỉ muốn tác phẩm ấy là của riêng anh, chỉ mình anh biết, anh hay? Nếu thế, tác phẩm của nhà văn ấy sẽ sớm đi vào quên lãng, không một ai biết đến. Phải chăng vì vậy, M. Gorki đã viết: “Người tạo nên tác phẩm là tác giả nhưng người quyết định số phận của tác phẩm lại là độc giả”?. Tác phẩm văn chương chỉ sống được trong tác lòng của những người tri kỉ – là bạn đọc. Thế nhưng không phải bạn đọc nào cũng hiểu được tác phẩm và thông điệp thâm mỹ của tác giả. Thực tế văn học đã có biết bao chuyện đáng buồn – người đọc hiểu hoàn toàn sai lệch giá trị của tác phẩm và suy nghĩ của nhà văn. Cho nên, ở bất kì thời đại nào, bất cứ nền văn học dân tộc nào cũng đều rất cần một tiếng nói tri âm của bạn đọc dành cho tác giả. Nghĩa là bạn đọc ấy phải cảm thông, sẻ chia với những nỗi niềm tâm sự, nghĩ suy của người viết gửi gắm trong tác phẩm. Ý kiến của nhà văn Bùi Hiền, vì thế, có thể xem như một yêu cầu lí tưởng trong tiếp nhận văn học mọi thời đại, mọi dân tộc. Vậy thì tại sao Bùi Hiền lại đề cao ý nghĩa của tiếng nói tri âm như vậy? Có lẽ bởi đó là yếu tố đặc thù của lĩnh vực văn chương. Nếu như trong các ngành khoa học, khi một chân lí khoa học được tìm ra là đúng đắn thì dù sớm hay muộn nó sẽ được công nhận và khẳng định. Còn với văn học thì sao? Những nghĩ suy, tâm trạng của nhà văn sâu sắc, nhiều tầng bậc, không phải một thời, một người là có thể hiểu thấu để mà cảm thông, chia sẻ. Tiếp nhận văn học phụ thuộc vào nhiều yếu tố, có khi do tâm lí và tâm thế tiếp nhận, cũng có khi do môi trường văn hóa mà người đọc đang sống, đang tiếp thu... Chuyện khen hay chê, khẳng định hay phủ định trong văn chương

là điều dễ thấy. Bởi vậy, phải là người đọc có con mắt xanh mới có thể thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ với người viết được.

Thế nhưng cơ sở nào đem lại sự cảm thông, chia sẻ giữa người đọc và người viết? Trước hết cần được bắt đầu từ quy luật của sáng tạo nghệ thuật. Người nghệ sĩ cầm bút trước tiên là để giải bày lòng mình. Khi những trăn trở, nghĩ suy, day dứt, dằn vặt, vui hay buồn không thể nói với ai thì người nghệ sĩ tìm đến văn học, bởi “thơ là tiếng lòng”, là tiếng nói hồn nhiên nhất của trái tim và “có những điều chỉ nói được bằng thơ”. Người nghệ sĩ sáng tác trước hết cũng cho chính mình hoặc cho những người thực sự hiểu mình mà thôi. Phải chăng vì vậy khi Dương Khuê mất, Nguyễn Khuyến đã không viết thơ vì:

Câu thơ nghĩ đến đo không viết

Viết đưa ai, ai biết mà đưa.

Thế nhưng thơ là “tiếng nói điệu đồng đi tìm những tâm hồn đồng điệu”. Nhà thơ đồng thời cũng là bạn đọc thơ, như Tế Hanh nói: *Đọc thơ đồng chí ngỡ thơ mình*. Nhà văn viết tác phẩm như ban phát phần thông vàng đi khắp nơi, mong có được người theo phần tìm về. Cho nên bạn đọc là một mắt xích không thể thiếu trong chu trình sáng tác – tiếp nhận tác phẩm. Bạn đọc cũng là những người có suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc, có niềm vui và nỗi buồn, có cảnh ngộ và tâm trạng, nhiều khi bắt gặp sự đồng điệu với nhà văn, nhà thơ. Khi hai luồng sóng tâm tình ấy giao thoa thì tác phẩm sẽ rực sáng lên, trở thành nhịp cầu nối liền tâm hồn với tâm hồn, trái tim với trái tim. Cho nên, người đọc đến với thơ để tìm thấy chính mình, thấy những suy nghĩ, cảm xúc của chính mình mà nhà thơ, bằng tài năng đã gửi gắm qua những câu thơ. Phải chăng vì thế Lưu Quý Kỳ viết: “Nhà thơ gói tâm tình của mình trong thơ. Người đọc mở ra bỗng thấy tâm tình của chính mình”. Và như thế, Bá Nha đã tìm được Tử Kỳ, những tri âm đã gặp được nhau qua chiếc cầu văn chương. Văn học quả là có sức cảm hóa thật kì diệu.

Có lẽ chính bởi ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm trong văn chương mà biết bao nhà thơ, nhà văn đã sáng tác những tác phẩm mà đối tượng lại chính là các nhà văn, nhà thơ. Bằng Việt viết về Pauxtôpxki, Ximônốp sung sướng khi tìm được tri âm là Tố Hữu:

Ở đây tôi thấy thơ tôi

Sống trong bản dịch tuyệt vời của anh.

Trường hợp của Nguyễn Du và Tố Hữu trong hai bài thơ *Đọc Tiểu Thanh kí* và *Kính gửi cụ Nguyễn Du* cũng không nằm ngoài mạch nguồn cảm hứng giàu giá trị nhân văn ấy.

Có thể thấy cả hai bài thơ đều là tác lòng của hai nhà thơ gửi gắm cho những người nghệ sĩ sống khác thời đại. Nguyễn Du viết về Tiểu Thanh, cách Tố Như ba trăm năm nhưng đồng thời Tiểu Thanh cũng là một nhà thơ. Sống cô đơn vò võ một mình trong sự ghen tuông cay nghiệt của người vợ

cả, sự thiếu đồng cảm của chính người chồng, Tiểu Thanh đã tìm đến thơ để kí thác tâm tình, để tìm đến một tri âm vô hình cho khuây khỏa nỗi cô đơn. Thế mà thói đời cay nghiệt, khi nàng chết, những vần thơ của nàng cũng phải từ giã cõi đời trong ngọn lửa ghen tuông, đố kỵ. Những câu thơ còn sót lại của nàng khiến Tố Như rung động. Một trái tim lúc nào cũng căng lên như dây đàn nổi giữa đất và trời, và nỗi đau của con người có thể làm sợi dây ấy rung lên bần bật. Dễ hiểu vì sao Nguyễn Du lại viết hay, viết xúc động về Tiểu Thanh đến vậy. Còn Tố Hữu, trong những năm tháng chống Mĩ cứu nước, nhất là trong không khí của những ngày kỉ niệm ngày sinh Nguyễn Du, đã xúc động viết nên *Kính gửi cụ Nguyễn Du*. Tố Hữu đã thể hiện sự cảm thông, chia sẻ với bi kịch của Nguyễn Du và hết lời ngợi ca giá trị của thơ ca Tố Như. Như thế, hai bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* và *Kính gửi cụ Nguyễn Du* đều thể hiện tiếng nói tri âm giữa Nguyễn Du, Tố Hữu – những nghệ sĩ sống khác thời đại. Sự trùng hợp tuyệt đẹp này còn góp phần khẳng định truyền thống nhân đạo sâu sắc, mệnh mông của dân tộc và văn học Việt Nam. Bởi lẽ Tiểu Thanh, Nguyễn Du là ai nếu không phải là những người tài hoa và bạc mệnh?

Mặc dù vậy, bản chất của người lao động nghệ thuật bao giờ cũng là sáng tạo. Cho nên, hai bài thơ dù giống nhau ở cảm hứng nhưng nội dung tiếng nói tri âm và cách thể hiện có sự khác biệt sâu sắc. Trước hết *Độc Tiểu Thanh kí* là tiếng nói tri âm của một cá nhân dành cho một cá nhân. Nguyễn Du thấu hiểu sâu sắc nỗi khổ của Tiểu Thanh – người con gái sống khác dân tộc, khác thời đại. Có một khoảng không gian và thời gian diệu vợi, hun hút, cách ngăn hai người nhưng chính văn chương đã xóa nhòa biên giới địa lí, biên giới lịch sử để họ tìm đến với nhau. Nguyễn Du xót thương cho cảnh ngộ của nàng:

*Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư,
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư.*

Bài thơ mở đầu bằng câu thơ nói về quy luật nghiệt ngã của cuộc đời. Dòng đời lạnh lùng, chảy trôi, cuốn theo bao con người, bao số phận, tàn phá bao cảnh sắc. Hồ Tây xưa đẹp đẽ, rực rỡ là thế, giờ chỉ còn là một đồng đất hoang lạnh, vắng vẻ, tiêu điều. Một sự biến đổi thật ghê gớm! Tận nghĩa là biến đổi hết, sạch trơn. Cảnh xưa đã không còn. Câu thơ nghe cứ ngậm ngùi, thoáng gọi sự đời dâu bể *thương hải biến vi tang điền* hay xót xa nỗi niềm *thế gian biến cải vừng nên đời* trong thơ Nguyễn Bình Khiêm. Đó là quy luật của tự nhiên, sao ta không khỏi day dứt? Bởi lẽ cũng với sự đổi thay ấy là sự ra đi của kiếp người, đời người. Tiểu Thanh nàng hồi, sự hiện diện của nàng trên cõi đời này còn gì đâu nếu không còn những vần thơ sót lại. Nhưng may thay, những vần thơ ấy – tác lòng của nàng đã đến được bờ tri âm – ấy chính là Nguyễn Du. Nguyễn Du hiểu lắm nỗi oan nghiệt của nàng:

*Chi phần hữu thân liên tử hậu,
Văn chương vô mệnh lụy phần dư.*

Cả cuộc đời Tiểu Thanh hiện lên qua hai chữ: chi phần và văn chương. Nói đến son phấn là nói đến tài sắc, nói đến văn chương là nói đến tài năng. Nàng là người nhan sắc, tài năng vẹn tròn, thế sao cuộc đời nàng lại đau khổ dường vậy. Nhà thơ đã thổi hồn vào son phấn, văn chương để chúng cất lên tiếng nói bi phần, xót xa. Son phấn có thần chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết còn văn chương không có mệnh mà còn bị đốt bỏ. Hỡi cuộc đời, son phấn, văn chương để cất lên tiếng nói bi thương thống thiết ấy? Hai câu thực cũng chính là chìa khóa mở cửa vào hai câu luận:

Cổ kim hận sự thiên nan vấn,

Phong vận kì oan ngã tự cư.

Thế là đâu chỉ Tiểu Thanh, đó là số phận bất hạnh của biết bao con người. Hai chữ *cổ kim* gợi dòng thời gian miệt mài chảy trôi, vô thủy vô chung từ xưa đến nay, từ Đông sang Tây, trên đó thấp thoáng tiếng khóc nàng Kiều, tiếng ai oán của cô Cầm, tiếng hát của người ca nữ đất Long Thành, người hát rong ở Thái Bình, tiếng van lơn của người mẹ ăn xin... Đó là mối hận của bao kiếp người, bao cuộc đời, bao thời đại. Giờ đây tất cả cùng về đổ bóng xuống câu thơ Tố Như. Một mối hận chất chứa, dày đặc thế mà trời không hỏi. Hỏi người, người không biết. Hỏi trời, trời không đáp. Cho nên, Nguyễn Du tự lí giải cho mình:

Phong vận kì oan ngã tự cư.

Tiểu Thanh đau khổ, bao con người đau khổ chính bởi nỗi oan lạ lùng vì nét phong nhã. Thì ra chính *chi phần, văn chương* kia là nguyên nhân gây ra nỗi đau khổ dường này! Nhà thơ tự coi mình là người cùng hội, cùng thuyền với Tiểu Thanh và những người tài hoa bạc mệnh. Thế là Nguyễn Du đã “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”. Tố Như sở dĩ là tri âm bởi ông thấy mình trong cuộc đời và thơ văn Tiểu Thanh. Cho nên, bài thơ kết thúc bằng tâm sự của chính Nguyễn Du:

Bất tri tam bách dư niên hậu,

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Thương người rồi mới thương mình. Thương người càng sâu sắc thì thương mình càng da diết. Tiểu Thanh đã có may mắn là tìm được tri âm nơi Nguyễn Du. Thế còn Nguyễn Du, ai sẽ là tri âm đây? Bài thơ kết thúc mà nỗi đau cứ khắc khoải, đau đáu khôn nguôi. *Khấp* là khóc không thành tiếng, nghĩa là nước mắt lặn vào trong ngưng đọng, kết tụ thành nỗi hận, nỗi u uất khôn nguôi. Tố Như đã từng cho mình mang nỗi sầu “vị tăng khai” không giải tỏa được, sâu thẳm như nước sông Lam dưới chân núi Hồng: *Ngã hữu thốn tâm vô dĩ ngã*. Cho nên ông không hỏi người ở hiện tại mà phải hướng về người cách mình hơn ba trăm năm xa xôi, vô tri kỉ ở một nàng Kiều trong trang sách, ở Tiểu Thanh cách mình ba trăm năm và ở một dân tộc khác. Bài thơ khép lại mà đau đáu nỗi đau không tri âm, không tri kỉ giữa cõi đời đen bạc. Như vậy, hiểu Tiểu Thanh, day dứt trước số phận

nàng, ráo riết tìm câu trả lời nhưng cuối cùng Nguyễn Du lại bế tắc, rơi vào thuyêt hư vô siêu hình như trong *Truyện Kiều*:

*Ngẫm hay muôn sự tại trời
Trời kia đã bắt làm người có thân
Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.*

Cho nên bài thơ đẫm nước mắt trong giọng điệu bi phẫn, sầu tủi, nghẹn ngào. Dấu sao tấm lòng tri âm của Tố Như với Tiểu Thanh cũng vô cùng đáng quý, đáng trân trọng.

Hai trăm năm sau Nguyễn Du, Tố Hữu đứng trên đỉnh cao của thời đại, của dân tộc hướng về quá khứ cha ông với niềm xót xa, thương cảm. Biết bao nhà thơ khác đồng cảm với Nguyễn Du như ở Tố Hữu, sự đồng cảm ấy sâu sắc, mênh mông hơn. Trước hết, nhà thơ hiểu, chia sẻ với bi kịch của Nguyễn Du:

*Hỡi lòng tê tái thương yêu
Giữa lòng trong đục, cánh bèo lênh đênh
Ngón ngang bên nghĩa bên tình
Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao?
Ngán ngơ trông ngọn cờ đào
Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường?*

Tưởng như đó những lời Tố Hữu viết về Thúy Kiều. Mà quả thực, nhà thơ tỏ lòng thương cảm với nàng Kiều tài sắc mà thân phận như cánh bèo lênh đênh. Nàng đã từng đứng trước sự lựa chọn chữ *hiếu* và chữ *tình* khi quyết định bán mình chuộc cha; đã từng xao lòng trước vinh hoa để rồi xót xa thấy ngọn cờ đào Từ Hải, kết liễu đời mình nơi dòng Tiền Đường định mệnh. Thế nhưng qua sự so sánh *đành như thân gái*, người đọc hiểu được đó là lời tâm huyết, gan ruột của Tố Hữu gửi Tố Như. Trong cuộc đời dâu bể kia, Tố Như cũng chỉ như cánh bèo chìm nổi, từng đón đau trước bi kịch “sống hay không sống” và sống như thế nào giữa đen tối và tội ác, *giữa dòng trong đục kia?* Nguyễn Du cũng đã từng đứng trước sự lựa chọn giữa *nghĩa* và *tình*. Người hiểu xã hội phong kiến đã đến hồi cáo chung, hiểu được sự mọt ruỗng của triều Lê nhưng tình với nhà Lê, tư tưởng phù Lê của tôi trung không thờ hai chủ nên Người đã từng chống lại Tây Sơn. Thế nhưng trong đêm đen cuộc đời, Người đâu đã thoát khỏi bi kịch. Người thấy triều đại Tây Sơn là tiến bộ, thậm chí còn hướng về những tướng lĩnh Tây Sơn tài hoa trong *Long Thành cầm gĩa* nhưng cuối cùng lại theo Nguyễn Ánh, làm quan cho triều Nguyễn. Bi kịch không tự giải thoát được, Người *đành như thân gái sóng xao Tiền Đường* phó mặc cho số phận. Tố Hữu đã nhận thấy Thúy Kiều là hiện thân của Nguyễn Du. Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* để kí thác tâm sự chính mình. Đó thực sự là một tấm lòng tri âm sâu sắc.

Không chỉ hiểu bi kịch của Nguyễn Du, Tố Hữu còn chia sẻ, cảm thông với bi kịch tình đời của Người:

Nỗi niềm xưa, nghĩ mà thương:

Dẫu lia ngó ý còn vương tơ lòng...

Nhân tình, nhắm mắt, chưa xong

Biết đâu hậu thế, khóc cùng Tố Như?

Mai sau, dù có bao giờ...

Câu thơ thuở trước, đâu ngờ hôm nay.

Phải thương cảm Tố Như sâu sắc lắm, Tố Hữu mới có thể nhận thấy bi kịch ẩn sâu này. Nguyễn Du cả một đời yêu thương con người, cả đến khi nhắm mắt xuôi tay vẫn chưa nguôi nỗi đau đáu bởi người ba trăm năm sau: Ai người khóc Tố Như? Tố Hữu sử dụng ý thơ ấy thật linh hoạt. Khóc cùng không chỉ là khóc cho Tố Như mà cùng Tố Như khóc cho nỗi đau của con người. Đó phải chăng cùng là điều Tố Như tìm kiếm, trăng trời trước lúc đi xa?

Tiếng thơ ai động đất trời

Nghe như non nước vọng lời ngàn thu

Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du

Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.

Tiếng thơ ai nghe vừa triu mến, vừa thân thương, vừa ngưỡng phục. Tiếng thơ của Nguyễn Du thấu lòng người, thấu cả trời xanh. Dường như cả trời xanh cũng rung động bởi những vần thơ ấy. Thật là một tầm vóc lớn lao, vĩ đại! Không những vậy, Tố Hữu như còn nghe trong tiếng thơ ấy hồn của dân tộc, lời của nước non:

Nghe như non nước vọng lời ngàn thu.

Tố Hữu đã từng vì tiếng nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh như lời non nước:

Con nghe Bác, tưởng nghe lời non nước

Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau...

Lần thứ hai, ông lại hình dung hình ảnh so sánh để ca ngợi sự vĩ đại của một nhà thơ – một danh nhân văn hóa lỗi lạc của cả dân tộc và thế giới. Tiếng thơ của Nguyễn Du từ tiếng nói của cá nhân đã trở thành lời của *non nước*. Non nước mượn thơ Người để vọng lời. Trong tiếng thơ ấy có cả tiếng lòng của dân tộc, của nước non. Cho nên nó có tầm vóc ngang với không gian vũ trụ, dằng dặc mà còn gọi không gian mênh mông cho tiếng thơ cụ Tiên Điền vang vọng, chảy trôi. Hôm nay, mai sau, thậm chí nghìn năm sau người Việt Nam vẫn không quên được tiếng thơ ấy vì: *Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.*

Thơ của Nguyễn Du được ví với *tiếng thơ, lời non nước, lời nghìn thu, tiếng thương* rồi là *tiếng mẹ ru*. Đó là những cấp bậc đánh giá hay chăng chính là con đường đi vào bất tử của thơ Nguyễn Du? Cái đích cuối cùng của thơ là “chảy đến lòng người” nên hình ảnh tiếng mẹ ru chính là cách đánh giá cao nhất dành cho một tiếng thơ. Tiếng thơ ấy đã nhập vào nguồn mạch văn hóa, vào đời sống tâm hồn, tình cảm của người dân Việt Nam, trở thành dòng sữa ngọt ngào nuôi dưỡng bao thế hệ. Tiếng thơ ấy là tình thương của mẹ dành cho con, là hiện thân của tình mẹ mênh mông. “Thương” là nội dung, bản chất, là cội nguồn hay là phương tiện của tiếng thơ? Và hiểu theo cách nào đó cũng là sự tri âm tuyệt đối của Tố Hữu đối với Tố Như rồi. Bởi lẽ Nguyễn Du là “nhà nhân đạo lỗi lạc” (Niculin), là trái tim lớn suốt đời mang nặng nỗi thương đời:

Đau đớn thay phận đàn bà

Không chỉ thấu hiểu, sẽ chia với cuộc đời, ngợi ca thơ Nguyễn Du, Tố Hữu còn tìm cách lí giải nỗi đau của Nguyễn Du. Ông cho rằng nỗi đau ấy không phải do trời mà chính là do xã hội vạn ác thời Nguyễn Du gây nên:

Góm quân Ứng Khuyển, ghé bầy Sở Khanh

Cũng loài hổ báo, ruồi xanh

Cũng phường gian ác hôi tanh hại người!

Chính thẳng bán tơ, bè lũ Mã Giám Sinh, Tú Bà, Ứng Khuyển, Sở Khanh mới là những kẻ gieo mầm đau khổ cho Nguyễn Du, Tiểu Thanh, Thúy Kiều. Cho nên muôn thay đổi số phận, phải tiêu diệt xã hội vạn ác ấy đi. Và tiếng trống ba hồi gọi quân kết thúc bài thơ là sự giải quyết ấy. Xã hội nay vẫn còn những kẻ ác nhưng cả dân tộc ra trận để tiêu diệt kẻ thù, để cuộc đời nhiều hạnh phúc và tình yêu hơn. Tố Hữu không sao vào tư tưởng bi quan như Nguyễn Du bởi ông là nhà thơ cách mạng, được luồng gió mới của thời đại thổi mát. Nguyễn Du ơi, xin Người hãy yên lòng. Những nàng Kiều, cô Cầm, người mẹ ăn xin... của Người sẽ không còn đau khổ nữa đâu.

Chính sự khác nhau về tiếng nói tri âm ấy đã chuyển hóa thành hình thức nghệ thuật khác nhau. Bài *Độc Tiểu Thanh kí* của Tố Như viết theo thể thơ Đường luật cô đúc, hàm súc nhưng phảng phất giọng điệu bi phần do rất nhiều thanh trắc, dấu nặng gọi cảm giác trĩu nặng, ngưng đọng. Còn Tố Hữu sử dụng thành công thể lục bát nhẹ nhàng, đầm thắm, trang trọng; hình thức tập Kiều, lấy Kiều để chuyển tải giọng điệu lạc quan, hào hứng, say mê.

Như vậy, tiếng nói tri âm giữa người đọc và người viết là điều văn học dân tộc nào, thời đại nào cũng hướng tới. Điều đó đặt ra yêu cầu đối với nghệ sĩ phải sáng tác từ những cảm xúc chân thành nhất, da diết nhất. Và người đọc, hãy sống hết mình với tác phẩm để hiểu được thông điệp thâm mĩ của tác giả, để chia sẻ, cảm thông với tác giả. Mỗi người hãy rung lên khúc đàn Bá Nha như Từ Kỳ để văn chương mãi tươi đẹp, kì diệu.

Tôi muốn đến với Nguyễn Du như đến với một con người suốt đời khắc khoải, da diết với thân phận con người. Nguyễn Du đã từng rỏ bao nhiêu nước mắt khóc thương những người đau khổ ấy, lẽ nào ta lại chẳng một lần khóc cho Nguyễn Du để bị kịch của Người sẽ tan như bóng hình Trương Chi trong chén nước của Mị Nương xưa?

Nguyễn Thị Hải Hậu

Trường THPT chuyên Hùng Vương – Phú Thọ